TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30A/2018/ST-HNGĐ
Ngày: 17-8-2018
V/v: *tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: *Bà* **Phương Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Mạnh Đạt**

2. *Ông* **Đặng Như Hùng**

- Thư ký phiên tòa: *Bà* **Nguyễn Thu Hương**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội *tham gia phiên toà: Bà* **Nguyễn Thị Tố Lan**-Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/**2018**/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "*ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *148*/*2018*/QĐXX-ST ngày *20* tháng 7 năm *2018* giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hoài T, sinh năm 1989

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi cư trú hiện nay: Tòa nhà S, đường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xã P, huyện C, tỉnh P;

Nơi cư trú hiện nay: Tòa nhà S, đường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, chị Nguyễn Hoài T có đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về tình cảm: xin ly hôn với anh Nguyễn Mạnh T.

Về con: Chị và anh Nguyễn Mạnh T có 01 con chung: Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 02.9.2014. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị T tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn, anh Nguyễn Mạnh T đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự nhưng không có ý kiến trình bày gì và có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã xuất trình các tài liệu, chứng cứ sau:

1- 01 Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cấp (bản chính).

2- Bản sao Giấy khai sinh của Nguyễn Tuấn K.

3- Giấy xác nhận tình trạng chung sống vợ chồng.

4- Bản sao sổ hộ khẩu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự giải quyết vụ án; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng có đơn xin vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp

nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hoài T đối với anh Nguyễn Mạnh T; Về con: xác nhận Chị T và anh T có 01 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 02.9.2014; giao con chung cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp nuôi con của anh T cho đến khi có sự thay đổi khác; về tài sản, nhà ở: anh T và Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Mạnh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T hường.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Hoài T và anh Nguyễn Mạnh T kết hôn tự nguyện, không vi phạm điều cấm nên là hôn nhân hợp pháp. Chị T yêu cầu ly hôn, Tòa án đã hòa giải nhưng không thành, Chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh T và Chị T chủ yếu do vợ chồng bất đồng lối sống. Xác minh tại tổ dân phố nơi cư trú của anh T hường, Chị T cũng thể hiện vợ chồng nhiều lần cãi vã, to tiếng trong nhà, anh T thường xuyên đi sớm về khuya, uống rượu, không quan tâm đến vợ con. Tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 bị vi phạm nghiêm trọng, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh T xin vắng mặt, thể hiện thái độ không tích cực hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, cuộc sống hôn nhân của anh T hường, Chị T thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức nên việc Tòa án giải quyết cho ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Hoài T và anh Nguyễn Mạnh T có 01 con chung là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 02.9.2014, hiện đang do Chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T đã được Tòa án thông báo nhưng không có ý kiến gì về việc Chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn là nguyện vọng chính đáng, phù hợp với pháp luật. Anh T và Chị T đều có công việc, thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Kể từ khi vợ chồng mâu thuẫn, con chung do Chị T trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay, do tính chất công việc, anh T thường xuyên phải đi làm bận rộn, việc thường xuyên gần gũi chăm sóc con 4 tuổi sẽ gặp khó khăn. Theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân

và gia đình năm 2015, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao con chung cho chị Nguyễn Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T và Chị T vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Hoài T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Mạnh T cho đến khi chị Nguyễn Hoài T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản: Anh T và Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản khi ly hôn nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Hoài T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Căn cứ vào Điều 27, 63, 227, 220, 264, 266, 267, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Hoài T và anh Nguyễn Mạnh T.

2- Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 02.9.2014 cho chị Nguyễn Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Hoài T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Mạnh T cho đến khi Chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Anh T được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

chung, không ai được ngăn cản.

3- Về chia tài sản: chị Nguyễn Hoài T và anh Nguyễn Mạnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4- Về án phí: Chị Nguyễn Hoài T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp theo biên lai số 0004654 ngày 04.4.2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN HỘI THẨM NHÂN DÂN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phương Thảo

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân;
- Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân;
- UBND xã Phương Xá, huyện Cẩm Khê, Phú Thọ;
- Lưu.

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)